

## **KHU HỆ CHIM KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN NAM NUNG, ĐẮK NÔNG**

**ĐỒNG THANH HẢI, VŨ TIẾN THỊNH**  
*Trường Đại học Lâm nghiệp*

Khu Bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) Nam Nung nằm trên địa bàn của xã Quảng Sơn (huyện Đăk Nông) và các xã Đức Xuyên, Nam Nung (huyện Krông Nô), tỉnh Đăk Nông. Khu Bảo tồn nằm ở trung tâm Tây Nguyên, có địa hình cao nguyên đặc trưng với tính đa dạng sinh học (ĐDSH) cao. Tuy nhiên, cho tới nay chỉ có duy nhất một báo cáo về khu hệ động thực vật ở đây được thực hiện năm 1994 (Ủy ban Nhân dân tỉnh Đăk Lăk, 1994). Theo kết quả điều tra, có 119 loài chim đã được ghi nhận, trong đó có nhiều loài quý hiếm và giá trị bảo tồn cao. Từ đó đến nay, chưa có một công trình điều tra quy mô nào được thực hiện để xác định lại thành phần và hiện trạng của khu hệ động vật cũng như khu hệ chim tại khu vực. Điều đó đã gây những khó khăn không nhỏ trong việc điều tra, giám sát, cập nhật đánh giá ĐDSH cũng như hoạch định những chiến lược quản lý bảo tồn một cách hiệu quả. Do đó, việc điều tra, đánh giá ĐDSH nói chung và khu hệ chim nói riêng tại KBTTN Nam Nung là hoàn toàn cấp thiết. Kết quả nghiên cứu không chỉ góp phần cung cấp một phần cơ sở dữ liệu ĐDSH của khu bảo tồn mà còn giúp các nhà quản lý đưa ra những giải pháp quản lý, bảo tồn chúng hiệu quả.

### **I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

#### **1. Đối tượng**

Các loài chim cư trú tại KBTTN Nam Nung, tỉnh Đăk Nông.

#### **2. Phương pháp**

Phương pháp chính được sử dụng là phương pháp điều tra trên các tuyến, điểm điều tra. Các tuyến điều tra đảm bảo đi qua các dạng địa hình, sinh cảnh, đai cao có trong khu vực. Các điểm khảo sát phân bố rộng khắp Khu Bảo tồn, tập trung ở nơi rừng còn tốt, dọc theo khe suối và các đỉnh núi cao, nơi có sinh cảnh phù hợp đối với từng loài. Các tuyến nghiên cứu, điểm khảo sát và điểm phát hiện các loài được xác định ngoài thực địa và trên bản đồ bằng máy định vị toàn cầu GPS. Trong quá trình điều tra, tại mỗi điểm khảo sát lập 3-4 tuyến chính dài 4-5km và một số tuyến phụ. Thời gian điều tra được tiến hành cả ngày bắt đầu từ 5h30 và kết thúc lúc 17h30. Hai thời điểm chính sáng sớm và chiều tối được tập trung điều tra vì đây là thời điểm chim hoạt động mạnh.

Những loài chim nhỏ, khó quan sát cũng có thể được xác định thông qua sử dụng lưới mờ. Sáu lưới mờ được sử dụng, trong đó 5 lưới mờ kích thước 9x3m và 1 lưới mờ kích thước 12x3m. Lưới được giăng ở các sinh cảnh khác nhau trong khu vực nghiên cứu. Vị trí giăng lưới mờ thường ở chỗ tranh tối, tranh sáng để tránh sự phát hiện của chim. Thời điểm giăng lưới là lúc sáng sớm và được kiểm tra 1 giờ một lần. Những cá thể chim dính lưới được gỡ ra cẩn thận, tránh gây tổn thương hoặc làm chết sau đó được định loại, chụp ảnh và thả lại môi trường tự nhiên tại nơi dính lưới.

Ngoài ra, phương pháp phỏng vấn cũng được thực hiện trong quá trình thực hiện điều tra. Phương pháp này được thực hiện nhằm thu thập các thông tin liên quan đến các loài chim có mặt tại khu vực cũng như tình trạng của chúng, tập trung chủ yếu vào các loài dễ nhận biết. Mặt khác quá

trình phỏng vấn còn cung cấp những thông tin về sự có mặt của các loài mà có thể quá trình điều tra thực địa không ghi nhận được. Hình ảnh trong các tài liệu nhận dạng chim sẽ được sử dụng trong quá trình phỏng vấn để giúp người được phỏng vấn nhận diện chính xác loài. Đối tượng phỏng vấn chủ yếu là những thợ săn và người đi rừng có kinh nghiệm, kết hợp với cán bộ tuần rừng. Những thông tin cần quan tâm trong quá trình phỏng vấn là thời điểm, địa điểm và số lượng bắt gặp.

Tài liệu dùng nhận dạng các loài chim ngoài thực địa của Robson (2000), Nguyễn Cử và cộng sự (2000). Danh lục các loài chim được xây dựng theo hệ thống phân loại của Richard Howard và Alick Moore (1991). Tên phổ thông của các loài chim sử dụng theo Võ Quý và Nguyễn Cử (1995).

Các loài chim quý hiếm được xác định là những loài có tên một trong 3 tài liệu: Danh lục Đỏ IUCN (2012), Sách Đỏ Việt Nam (2007) và Nghị định số 32/NĐ-CP (2006).

## II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

### 1. Thành phần loài và tính đa dạng phần loại học khu hệ chim KBTTN Nam Nung

Trong đợt điều tra này đã ghi nhận được 103 loài chim tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Nam Nung, kết hợp với tài liệu nghiên cứu đã được công bố năm 1994 có 173 loài chim đã được ghi nhận trong KBTTN, danh lục đầy đủ có thể được tham khảo trong tài liệu của Đồng Thanh Hải và cộng sự (2011). Trong đó, 92 loài được ghi nhận qua quan sát trực tiếp ngoài thực địa và qua mẫu vật. Như vậy có 54 loài chim lần đầu được ghi nhận có mặt trong Khu Bảo tồn.

Về phân loại học, 173 loài chim ghi nhận được tại KBTTN Nam Nung thuộc 15 bộ, 47 họ. Trong đó, bộ Sẻ (Passeriformes) có nhiều họ nhất với 24 họ chiếm 46,8% tổng số họ. Trong khi các bộ: bộ Hạc (Ciconiiformes), bộ Gà (Galliformes), bộ Rẽ (Charadriiformes), bộ Bò câu (Columbiformes), bộ Vẹt (Psittaciformes), bộ Cú muỗi (Caprimulgiformes), bộ Yến (Apodiformes), bộ Nước (Trogoniformes) đều chỉ có một họ, chiếm 2,13% tổng số họ ghi nhận được.

Trong số các họ chim ghi nhận được, họ Khướu (Timaliidae) có số lượng loài nhiều nhất với 11 loài, chiếm 6,36% tổng số loài; tiếp đến là họ Phụng chèo (Turnidae) và họ Sáo (Sturnidae) đều có 8 loài, chiếm 4,62% tổng số loài. Có 8 họ chỉ có duy nhất 1 loài, đó là họ Cú lợn (Tytonidae), họ Đầu riu (Uppupidae), họ Cún cú (Turnicidae), họ Trèo cây (Sittidae), họ Sẻ đồng (Frigillidae), họ Sẻ (Ploceidae), họ Chim di (Estrildidae) và Họ vành khuyên (Zosteropidae), mỗi họ chiếm 0,58% tổng số loài.

Đặc biệt, kết quả điều tra đã ghi nhận thêm 54 loài mới cho KBTTN Nam Nung (bảng 1) so với danh lục được ghi nhận trong luận chứng kinh tế kỹ thuật năm 1994.

Bảng 1

**Danh sách các loài chim lần đầu được ghi nhận tại KBTTN Nam Nung**

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
	<b>I. BỘ HẠC</b>	<b>CICONIIFORMES</b>
	<b>1. Họ Diệc</b>	<b>Ardeidae</b>
1	Cò ngang nhỏ	<i>Mesophoyx intermedia</i>
2	Cò xanh	<i>Butorides striatus</i>
	<b>II. Bộ Cắt</b>	<b>FALCONIFORMES</b>
	<b>2. Họ Ưng</b>	<b>Accipitridae</b>
3	Diều ăn ong	<i>Pernis ptilorhynchus</i>
4	Diều núi	<i>Spizaetus nipalensis</i>

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
	<b>III. BỘ BÒ CÂU</b>	<b>COLUMBIFORMES</b>
	<b>3. Họ Bồ câu</b>	<b>Columbidae</b>
5	Gàem ghi lưng xanh	<i>Ducula aenea</i>
	<b>IV. BỘ VỆT</b>	<b>PSITTACIFORMES</b>
	<b>4. Họ Vẹt</b>	<b>Psittacidae</b>
6	Vẹt đầu xám	<i>Psittacula finschii</i>
	<b>V. BỘ CU CU</b>	<b>CUCULIFORMES</b>
	<b>5. Họ Phướn</b>	<b>Phaenicophaeinae</b>
7	Phướn nhỏ	<i>Phaenicophaeus diardi</i>
	<b>VI. BỘ CÚ</b>	<b>STRIGIFORMES</b>
	<b>6. Họ Cú mèo</b>	<b>Strigidae</b>
8	Cú Mèo	<i>Otus spilocephalus</i>
9	Cú mèo khoang cổ	<i>Otus bakkamoena</i>
10	Cú vọ lưng nâu	<i>Ninox scutulata</i>
	<b>VII. BỘ CÚ MUỖI</b>	<b>CAPRIMULGIFORMES</b>
	<b>7. Họ Cú muỗi</b>	<b>Caprimulgidae</b>
11	Cú muỗi xa van	<i>Caprimulgus affinis</i>
	<b>VIII. BỘ YẾN</b>	<b>APODIFORMES</b>
	<b>8. Họ Yến</b>	<b>Apodidae</b>
12	Yến cọ	<i>Cypsiurus balasiensis</i>
13	Yến hồng trắng	<i>Apus pacificus</i>
	<b>IX. BỘ SẢ</b>	<b>CORACIIFORMES</b>
	<b>9. Họ Bồng chanh</b>	<b>Halcyonidae</b>
14	Bồng chanh rừng	<i>Alcedo hercules</i>
	<b>X. BỘ GỖ KIẾN</b>	<b>PICIFORMES</b>
	<b>10. Họ Gỗ kiến</b>	<b>Picidae</b>
15	Gỗ kiến xanh gáy vàng	<i>Picus flavinucha</i>
16	Gỗ kiến nâu cổ đỏ	<i>Blythipicus pyrrhotis</i>
	<b>11. Họ Cu róc</b>	<b>Megalaimidae</b>
17	Cu róc cổ đỏ	<i>Megalaima haemacephala</i>
18	Cu róc trán vàng	<i>Megalaima oorti</i>
	<b>XI. BỘ SẼ</b>	<b>PASSERIFORMES</b>
	<b>12. Họ Phường chèo</b>	<b>Turnidae</b>
19	Phường chèo đen	<i>Hemipus picatus</i>
20	Phường chèo nhỏ	<i>Pericrocotus cinnamomeus</i>

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
21	Phường chèo cánh trắng	<i>Pericrocotus cantonensis</i>
	<b>13. Họ Chèo mào</b>	<b>Pycnonotidae</b>
22	Bông lau trung quốc	<i>Pycnonotus sinensis</i>
23	Bông lau tai trắng	<i>Pycnonotus aurigaster</i>
24	Bông lau họng vạch	<i>Pycnonotus finlaysoni</i>
	<b>14. Họ Chim xanh</b>	<b>Irenidae</b>
25	Chim xanh vàng trán	<i>Chloropsis aurifrons</i>
	<b>15. Họ Bách thanh</b>	<b>Laniidae</b>
26	Bách thanh lưng xám	<i>Lanius tephronotus</i>
	<b>16. Họ Chích choè</b>	<b>Turnidae</b>
27	Hoét vàng	<i>Zoothera citrina</i>
28	Hoét đá họng trắng	<i>Monticola gularis</i>
29	Chích choè nước đầu trắng	<i>Enicurus leschenaulti</i>
	<b>17. Họ Khướu</b>	<b>Timaliidae</b>
30	Hoạ Mi	<i>Garrulax canorus</i>
31	Chuối tiêu đuôi ngắn	<i>Malacopteron cinereum</i>
32	Hoạ mi đất mỏ dài	<i>Pomatorhinus hypoleucos</i>
33	Khướu mào bụng trắng	<i>Yuhina zantholeuca</i>
	<b>18. Họ Chim chích</b>	<b>Sylviidae</b>
34	Chích bông cánh vàng	<i>Orthotomus atrogularis</i>
35	Chích mày công	<i>Phylloscopus schwarzi</i>
36	Chích đớp ruồi mỏ vàng	<i>Abroscopus superciliosus</i>
37	Chiền chiện đầu nâu	<i>Prinia rufescens</i>
38	Chiền chiện bụng vàng	<i>Prinia inornata</i>
	<b>19. Họ Đớp ruồi</b>	<b>Muscicapidae</b>
39	Đớp ruồi hải nam	<i>Cyornis hainanus</i>
40	Đớp ruồi đầu xám	<i>Culicicapa ceylonensis</i>
	<b>20. Họ Rẻ quạt</b>	<b>Monarchidae</b>
41	Đớp ruồi xanh gáy đen	<i>Hypothymis azurea</i>
	<b>21. Họ Trèo cây</b>	<b>Sittidae</b>
42	Trèo cây trán đen	<i>Sitta frontalis</i>
	<b>22. Họ Hút mật</b>	<b>Nectariniidae</b>
43	Hút mật đuôi nhọn	<i>Aethopyga christinae</i>

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
44	Bấp chuối mỏ dài	<i>Arachnothera longirostra</i>
45	Bấp chuối đốm đen	<i>Arachnothera magna</i>
	<b>23. Họ Sáo</b>	<b>Sturnidae</b>
46	Sáo nâu	<i>Acridotheres tristis</i>
47	Sáo mỏ vàng	<i>Acridotheres cinereus</i>
	<b>24. Họ Quạ</b>	<b>Corvidae</b>
48	Chim khách đuôi cờ	<i>Temnurus temnurus</i>
	<b>25. Họ Vàng anh</b>	<b>Oriolidae</b>
49	Vàng anh trung quốc	<i>Oriolus chinensis</i>
50	Chèo bẻo xám	<i>Dicrurus leucophaeus</i>
51	Chèo bẻo mỏ quạ	<i>Dicrurus annectans</i>
52	Chèo bẻo cờ đuôi chẻ	<i>Dicrurus paradiseus</i>
53	Chèo bẻo cờ đuôi bằng	<i>Dicrurus remifer</i>
	<b>26. Họ Sẻ đồng</b>	<b>Frigillidae</b>
54	Sẻ đồng hung	<i>Melophus lathami</i>

## 2. Các loài chim quý hiếm, có giá trị bảo tồn nguồn gene tại KBTTN Nam Nung

Tổng số 13 loài chim quý hiếm được ghi nhận. Trong số các loài chim quý hiếm xác định được tại khu vực, một số loài ở mức nguy cấp rất cao.

Bảng 2

### Danh sách các loài chim quý hiếm tại KBTTN Nam Nung

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Mức nguy cấp		
			IUCN	SĐVN	NĐ32
	<b>I. BỘ CẮT</b>	<b>FALCONIFORMES</b>			
	<b>1. Họ Cắt</b>	<b>Falconidae</b>			
1	Cắt nhỏ họng trắng	<i>Polihierax insignis</i>	NT		
	<b>II. BỘ GÀ</b>	<b>GALLIFORMES</b>			
	<b>2. Họ Trĩ</b>	<b>Phasianidae</b>			
2	Gà tiền mặt đỏ	<i>Polyplectron germaini</i>	NT	VU	IB
3	Gà lôi trắng	<i>Lophura nycthemera</i>		LR	IB
	<b>III. BỘ VỆT</b>	<b>PSITTACIFORMES</b>			
	<b>3. Họ Vẹt</b>	<b>Psittacidae</b>			
4	Vẹt đầu xám	<i>Psittacula finschii</i>			IIB
5	Vẹt lùn	<i>Loriculus vernalis</i>			IIB

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Mức nguy cấp		
			IUCN	SĐVN	NĐ32
	<b>IV. BỘ CU CU</b>	<b>CUCULIFORMES</b>			
	<b>4. Họ Phướn</b>	<b>Phaenicophaeinae</b>			
6	Phướn nhỏ	<i>Phaenicophaeus diardi</i>	NT		
	<b>V. BỘ CÚ</b>	<b>STRIGIFORMES</b>			
	<b>5. Họ Cú mèo</b>	<b>Strigidae</b>			
7	Dù dì phương đông	<i>Ketupa zeylonensis</i>			IIB
	<b>VI. BỘ SẢ</b>	<b>CORACIIFORMES</b>			
	<b>6. Họ bồng chanh</b>	<b>Halcyonidae</b>			
8	Bồng chanh rừng	<i>Alcedo hercules</i>	NT		
	<b>7. Họ Bói Cá</b>	<b>Alcedinidae</b>			
9	Bói cá lớn	<i>Magaceryle lugubris</i>		VU	
	<b>8. Họ Hồng hoàng</b>	<b>Bucerotidae</b>			
10	Hồng hoàng	<i>Buceros bicornis</i>	NT	VU	IIB
	<b>VII. BỘ SẼ</b>	<b>PASSERIFORMES</b>			
	<b>9. Họ Chích choè</b>	<b>Turnidae</b>			
11	Chích choè lửa	<i>Copsychus malabaricus</i>			IIB
12	Khướu đầu xám	<i>Garrulax vassali</i>			IIB
	<b>10. Họ Sáo</b>	<b>Sturnidae</b>			
13	Yềng	<i>Gracula religiosa</i>			IIB

*Chú thích:* SĐVN (Sách Đỏ Việt Nam, 2007): CR-Rất nguy cấp; EN-Nguy cấp; VU-Sắp nguy cấp. IUCN (Danh lục Đỏ của IUCN, 2012): EX-Tuyệt chủng; EW-Tuyệt chủng ngoài tự nhiên; CR-Cực kỳ nguy cấp; EN-Nguy cấp; VU-Sắp nguy cấp; LC-Ít lo ngại. NĐ32 (Nghị định số 32/2006/NĐ-CP): IB-Thuộc phụ lục IB (Nghiêm cấm khai thác, sử dụng); IIB-Thuộc phụ lục IIB (Hạn chế khai thác, sử dụng).

Thực tế cũng cho thấy các loài này có số lượng ít, kích thước quần thể nhỏ và là đối tượng săn bắt của người dân và thợ săn như Hồng hoàng (*Buceros bicornis*), Gà tiền mặt đỏ (*Polyplectron germaini*)... Nếu không có những giải pháp bảo tồn các loài quý hiếm này thì nguy cơ tuyệt chủng của chúng tại khu vực là rất cao.

### III. KẾT LUẬN

Từ kết quả nghiên cứu của đề tài, chúng tôi rút ra một số kết luận chính sau đây:

- Đợt điều tra đã ghi nhận 103 loài chim, kết hợp với tài liệu đã công bố, tổng số 173 loài chim đã được xác định tại KBTTN Nam Nung.

- Có 54 loài chim mới lần đầu được ghi nhận và bổ sung vào danh lục chim của KBTTN Nam Nung.

- Danh sách các loài chim quý hiếm, có giá trị bảo tồn trong khu vực gồm 13 loài, trong đó 2 loài cần ưu tiên bảo tồn cao là Hồng hoàng (*Buceros bicornis*) và Gà tiền mặt đỏ (*Polyplectron germaini*).

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam**, 2007. Sách Đỏ Việt Nam. NXB. KHTN & CN, Hà Nội.
2. **Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam**, 2006. Nghị định số 32/2006/NĐ-CP, ngày 30/3/2006 của Thủ tướng Chính phủ về Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm.
3. **Nguyễn Cũ, Lê Trọng Trãi, Phillips, K.**, 2000. Chim Việt Nam. NXB. LĐ-XH, Hà Nội.
4. **Đông Thanh Hải và cs.**, 2011. Báo cáo điều tra đa dạng sinh học tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Nam Nung, tỉnh Đắk Nông.
5. **IUCN**, 2012. The IUCN Red list of threatened species. <<http://www.iucnredlist.org>> . Truy cập tháng 12, 2012.
6. **Rhichard H., A. Moore**, 1991. A complete checklist of the birds of the world. Second edition. Academic Press, London.
7. **Robson, C.**, 2000. A Guide to the Birds of Southeast Asia: Thailand, Peninsular Malaysia, Singapore, Myanmar, Laos, Vietnam, Cambodia. Princeton and Oxford: Princeton University Press.
8. **Võ Quý, Nguyễn Cũ**, 1995. Danh lục chim Việt Nam. NXB. Nông nghiệp, Hà Nội.
9. **Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk**, 1994. Luận chứng kinh tế kỹ thuật Khu Bảo tồn thiên nhiên Nam Nung tỉnh Đắk Lắk.

## THE AVIFAUNA OF NAM NUNG NATURE RESERVE, DAK NONG

DONG THANH HAI, VU TIEN THINH

### SUMMARY

Nam Nung Nature Reserve has rather intact forest ecosystem with high biodiversity value. However, understanding about it's fauna, especially Avifauna is limited due to inadequate survey efforts. This survey was conducted in 2010. During the survey, 103 bird species were recorded, of those, 54 species were first recorded in the nature reserve. Combined with previous survey result, the Avifauna of Nam Nung nature reserve has 173 species. They belong to 47 families and 15 orders. In addition, the research results also provided a list of 13 endangered bird species and conservational value. The highest threatened spcies are Great hornbill *Buceros bicornis* and Germain's Peacock-Pheasant *Polyplectron germaini*.